



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.6660477 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: giamsatmoitruong.com.vn



Mã số/ Ref. No: 03609/2022/PKQ (22.2623)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT



- Tên khách hàng/ Client's Name: BỆNH VIỆN PHỤ SẢN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
- Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: BỆNH VIỆN PHỤ SẢN THÀNH PHỐ CẦN THƠ - Số 106 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
- Loại mẫu/ Type of sample: Không khí xung quanh
- Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu/ Sampling locations
220608.KXQ.049	Không khí tại khuôn viên cạnh hồ cá
220608.KXQ.050	không khí tại Khuôn viên cạnh canteen
220608.KXQ.051	không khí tại Cổng bảo vệ 3
220608.KXQ.052	Không khí tại Cổng bảo vệ 4

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 07/06/2022

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 14/06/2022

7. Bảng kết quả/ Results table

• Bảng 1/ Table 1:

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN Không khí xung quanh
				220608. KXQ.049	220608. KXQ.050	220608. KXQ.051	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ ^(a)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	31,2	30,8	31,9	-
2	Độ ẩm ^(a)	%	QCVN 46:2012/BTNMT	70,5	69,9	70,4	-
3	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2018	61,5	68,1	61,3	70 ⁽¹⁾
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(a)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	134	120	147	300 ⁽²⁾
5	NO ₂ ^(a)	µg/m ³	TCVN 6137:2009	46	50	49	200 ⁽²⁾
6	SO ₂ ^(a)	µg/m ³	TCVN 5971:1995	50	57	60	350 ⁽²⁾
7	H ₂ S ^(a)	µg/m ³	MASA 701	KPH (MDL=5)	KPH (MDL=5)	KPH (MDL=5)	42 ⁽³⁾

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ****DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.6660477 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: giamsatmoitruong.com.vn

VIMCERTS
292

8	NH ₃ ^(a)	µg/m ³	MASA 401	KPH (MDL=10)	KPH (MDL=10)	KPH (MDL=10)	200 ⁽³⁾
9	CO ^(a)	µg/m ³	SOP-H16	KPH (MDL=3.000)	KPH (MDL=3.000)	< 9.000	30.000 ⁽²⁾

Bảng 2/ Table 2:

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN Không khí xung quanh
				220608.KXQ.052	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ ^(a)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	31,7	-
2	Độ ẩm ^(a)	%	QCVN 46:2012/BTNMT	70,2	-
3	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2018	63,8	70 ⁽¹⁾
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(a)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	142	300 ⁽²⁾
5	NO ₂ ^(a)	µg/m ³	TCVN 6137:2009	52	200 ⁽²⁾
6	SO ₂ ^(a)	µg/m ³	TCVN 5971:1995	68	350 ⁽²⁾
7	H ₂ S ^(a)	µg/m ³	MASA 701	KPH (MDL=5)	42 ⁽³⁾
8	NH ₃ ^(a)	µg/m ³	MASA 401	KPH (MDL=10)	200 ⁽³⁾
9	CO ^(a)	µg/m ³	SOP-H16	< 9.000	30.000 ⁽²⁾

Chú thích/ Remarks:

- (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
- (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.
- (c): Thông số gửi nhà thầu phụ/ The parameters sent to subcontractors.
- (d): Thông số không quy định tại Thông tư quy định về kỹ thuật quan trắc môi trường và các Quy chuẩn hiện hành về môi trường do Bộ TN&MT ban hành, được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng và chỉ mang tính chất tham khảo.
- KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected
- (1): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường (từ 6 giờ - 21 giờ).
- (2): QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
- (3): QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 06 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ**GIÁM ĐỐC**

Director

**ĐOÀN THỊ THỦY**

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



Mã số/ Ref. No: 03610/2022/PKQ (22.2623)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM****TEST REPORT**

1. Tên khách hàng/ Client's Name: **BỆNH VIỆN PHỤ SẢN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: **BỆNH VIỆN PHỤ SẢN THÀNH PHỐ CẦN THƠ - Số 106
đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, quận Ninh
Kiều, TP. Cần Thơ**
3. Loại mẫu/ Type of sample: **Nước thải**
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu/ Sampling locations
220608.NT.096	Trước hệ thống xử lý nước thải
220608.NT.097	Sau hệ thống xử lý nước thải

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 07/06/2022

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 14/06/2022

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result		QCVN 28:2010/ BTNMT
				220608. NT.096	220608. NT.097	
1	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	8,25	7,75	6,5 ÷ 8,5
2	Clo dư ^(a)	mg/L	HDCV/ĐN-H08	-	0	
3	TSS ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	128	32	
4	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	264	48	
5	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	125	25	
6	NH ₄ ⁺ ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	20,5	3,5	
7	S ²⁻ ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	0,88	0,39	1,2
8	NO ₃ ⁻ ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E: 2017	2,5	10,6	36
9	PO ₄ ³⁻ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	4,5	1,4	7,2
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α ^(a,b)	Bq/L	TCVN 6053:2011	KPH (MDL=0,02)	KPH (MDL=0,02)	0,12
11	Tổng hoạt độ phóng xạ β ^(a,b)	Bq/L	TCVN 6219:2011	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	1,2
12	Coliform ^(a,b)	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221B:2017	11x10 ³	920	3.000

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.6660477 Email: mt-daiphu@gmail.com

Website: giam-sat-moi-truong.com.vn



13	Salmonella ^(a,b)	Phát hiện/ 100mL	TCVN 9717:2013	KPH	KPH	KPH ⁽²⁾
14	Shigella ^(a,b)	Phát hiện/ 100mL	SMEWW 9260E:2017	KPH	KPH	KPH ⁽²⁾
15	Vibrio cholerae ^(a,b)	Phát hiện/ 100mL	SMEWW 9260H:2017	KPH	KPH	KPH ⁽²⁾
16	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	6,5	KPH (MDL=0,3)	12

Chú thích/ Remarks:

- (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
- (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.
- KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected
"-": Không quy định
- (1): Cột A: các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
- (2): Không phát hiện

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 06 năm 2022

GIÁM ĐỐC

Director



ĐOÀN THỊ THỦY





CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.6660477 Email: mt-daiphu@gmail.com

Website: giam-sat-moi-truong.com.vn



Mã số/ Ref. No: 03611/2022/PKQ (22.2623)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT



1. Tên khách hàng/ Client's Name:

BỆNH VIỆN PHỤ SẢN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location:

BỆNH VIỆN PHỤ SẢN THÀNH PHỐ CẦN THƠ - Số 106
đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, quận Ninh
Kiều, TP. Cần Thơ

3. Loại mẫu/ Type of sample:

Nước mặt

4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu/ Sampling locations
220608.NM.020	Nước mặt Tại Sông Khai Luông Lớn

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 07/06/2022

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 14/06/2022

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN 08- MT:2015/ BTNMT
				220608.NM.020	Cột A2 ⁽¹⁾
1	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	7,25	6 ÷ 8,5
2	DO ^(a,b)	mg/L	TCVN 7325:2016	6,2	≥ 5
3	TSS ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	27	30
4	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	4,5	6
5	NH ₄ ^{+(a,b)}	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	0,11	0,3
6	NO ₃ ^{-(a,b)}	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ .E: 2017	1,9	5
7	Fe ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3500-Fe.B:2017	0,22	1
8	Coliform ^(a,b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	2,3x10 ³	5.000

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.

2. (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.

3. (c): Thông số gửi nhà thầu phụ/ The parameters sent to subcontractors.

4. (d): Thông số không quy định tại Thông tư quy định về kỹ thuật quan trắc môi trường và các Quy chuẩn hiện hành về môi trường do Bộ TN&MT ban hành, được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng và chỉ mang tính chất tham khảo.

5. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected

6. (1): Cột A₂: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các mục đích sử dụng như loại B₁ và B₂.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 06 năm 2022

GIÁM ĐỐC

Director



ĐOÀN THỊ THỦY

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ****DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.6660477 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: giamساتmoitruong.com.vn



Mã số/ Ref. No: 03612/2022/PKQ (22.2623)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM****TEST REPORT****1. Tên khách hàng/ Client's Name:****2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location:****3. Loại mẫu/ Type of sample:****4. Thông tin mẫu/ Sample information:****BỆNH VIỆN PHỤ SẢN THÀNH PHỐ CẦN THƠ****BỆNH VIỆN PHỤ SẢN THÀNH PHỐ CẦN THƠ - SỐ 106**

đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, quận Ninh

Kiều, TP. Cần Thơ

Nước uống

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu/ Sampling locations
220608.NU.001	Nước uống tại Khoa sản bệnh

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 07/06/2022**6. Ngày trả kết quả/ Returning results date:** 14/06/2022**7. Bảng kết quả/ Results table**

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN 01- 1:2018/BYT
				220608.NU.001	Ngưỡng giới hạn cho phép nước sạch
1	Bào tử vi khuẩn kỵ khí sulfite ^(b)	CFU/50mL	TCVN 6191-2:1996	KPH	-
2	Coliform ^(a,b)	CFU/250mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	< 3 ⁽¹⁾
3	Pseudomonas Aeruginosa ^(b)	CFU/250mL	TCVN 8881:2011	KPH	< 1 ⁽¹⁾
4	Streptococci faecal ^(b)	CFU/250 mL	TCVN 6189-2:2009	KPH	-

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.

2. (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.

3. (c): Thông số gửi nhà thầu phụ/ The parameters sent to subcontractors.

4. (d): Thông số không quy định tại Thông tư quy định về kỹ thuật quan trắc môi trường và các Quy chuẩn hiện hành về môi trường do Bộ TN&MT ban hành, được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng và chỉ mang tính chất tham khảo.

5. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected

6. (1): Quy chuẩn sử dụng đơn vị tính CFU/100mL

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 06 năm 2022

GIÁM ĐỐC**ĐOÀN THỊ THỦY**

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company